

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CHO PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Bài 15

CÁCH TIẾP CẬN PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Nội dung trình bày

- Ba thành phần của khung nghiên cứu/phân tích chính sách
 - Quan điểm nhận định tri thức
 - Cách tiếp cận nghiên cứu
 - Thiết kế nghiên cứu
- Lựa chọn cách tiếp cận phù hợp
- Thiết kế phân tích chính sách

Ba thành phần của khung phân tích

Nhận định tri thức	Cách tiếp cận nghiên cứu	Thiết kế phân tích
[Hậu] Thực chứng	Định tính	Câu hỏi
Kiến tạo	Định lượng	Khung lý thuyết
Ủng hộ/ tham gia	Kết hợp	Thu thập dữ liệu
Thực dụng		Phân tích dữ liệu

Một số quan điểm nhận định tri thức

Chủ nghĩa hậu thực chứng

Tất định luận (determinism)
Quy giản luận (reductionism)
Quan sát, đo lường thực nghiệm
Xác minh lý thuyết

Chủ nghĩa kiến tạo

Tìm hiểu
Ý nghĩa của nhiều người tham gia
Kiến tạo lịch sử và xã hội
Kiến tạo lý thuyết

Quan điểm ủng hộ/ tham gia

Chính trị
Tăng quyền (empowerment)
Cộng tác
Hướng tới sự thay đổi

Chủ nghĩa thực dụng

Các hệ quả của hành động
Đặt trọng tâm vào vấn đề
Tiếp cận đa chiều
Hướng tới hành động thực tiễn

Chủ nghĩa kiến tạo

- **Ý nghĩa** được con người xây dựng khi họ tham gia vào thế giới mà họ đang lý giải → sự cần thiết của câu hỏi mở.
- **Con người tham gia** vào và diễn giải thế giới dựa vào kinh nghiệm lịch sử, xã hội, và văn hóa → cần thấu hiểu bối cảnh của những người tham dự (thường gọi là đối tượng nghiên cứu)
- Sự khái quát cơ bản về ý nghĩa luôn luôn mang tính chất **xã hội**, phát sinh bên trong và bên ngoài sự tương tác với cộng đồng con người.

Sự ủng hộ hay tham gia

- **Mục đích** của các nghiên cứu ủng hộ/ tham gia là tạo ra thảo luận và tranh luận chính trị để thay đổi có thể xảy ra.
- **Hành động tham gia** có tính biện chứng (dialectical), nhằm mang lại sự thay đổi trong thực tiễn → đưa ra chương trình hành động để thay đổi.
- Thường bắt đầu bằng một nhận định về **trục trặc** trong xã hội (như nhu cầu tăng quyền) → giúp các cá nhân giải thoát chính họ khỏi những ràng buộc trong truyền thông, ngôn ngữ, quy trình làm việc, và trong quan hệ quyền lực.
- Có tính **thực tiễn và cộng tác** vì đó là công việc nghiên cứu được hoàn tất "cùng với" những người khác chứ không phải "về" những người khác hay "đối với" những người khác.

Quan điểm thực dụng

- **Không bó buộc** vào một hệ thống triết lý và thực tại nhất định nào
- Nhà nghiên cứu **tự do chọn lựa** phương pháp, kỹ thuật, và quy trình nghiên cứu phù hợp nhất với nhu cầu và mục đích
- Không nhìn nhận thế giới như một thể thống nhất tuyệt đối → tìm kiếm **hiều cách tiếp cận** để thu thập và xử lý số liệu (cả định lượng và định tính).
- **Chân lý "có điều kiện"** - có tác dụng trong một thời gian, ở một bối cảnh xã hội, lịch sử, chính trị cụ thể nào đó
- Tìm kiếm vấn đề và cách thức nghiên cứu dựa vào các **hệ quả dự kiến** của vấn đề → muốn đi đến đâu với vấn đề đó
- Các nhà nghiên cứu thực dụng tin rằng ta cần ngưng đặt câu hỏi về thực tế và quy luật tự nhiên. "Họ đơn giản chỉ thích thay đổi đối tượng" (Rotty, 1983).

Quam điểm hậu thực chứng

- Không có sự thật/tri thức duy nhất và tối hậu, vì vậy không thể tìm thấy sự thật tuyệt đối → không chứng minh các giả thuyết là đúng mà chỉ ra giả thuyết không thể bị bác bỏ
- Nghiên cứu là quá trình đưa ra các nhận định rồi **làm mịn thêm** để tiến tới một nhận định bảo đảm hơn → hầu hết các nghiên cứu định lượng bắt đầu bằng việc kiểm định một lý thuyết/giả thuyết.
- Dựa trên **số liệu, bằng chứng**, và các cân nhắc **duy lý**
- Nghiên cứu tìm cách giải thích vấn đề hay mô tả mối **quan hệ nhân quả** → tìm hiểu mối quan hệ giữa các biến và sắp đặt mối quan hệ này theo các câu hỏi hay các giả thuyết.
- Tính **khách quan** là yêu cầu thiết yếu của nghiên cứu → tầm quan trọng của các **tiêu chuẩn về giá trị và độ tin cậy**

Một số quan điểm nhận định tri thức

Nghiên cứu, vận động, phân tích chính sách

Chủ nghĩa hậu thực chứng

Tất định luận (determinism)
Quy giản luận (reductionism)
Quan sát, đo lường thực nghiệm
Xác minh lý thuyết

Chủ nghĩa kiến tạo

Tìm hiểu
Ý nghĩa của nhiều người tham gia
Kiến tạo lịch sử và xã hội
Kiến tạo lý thuyết

Quan điểm ủng hộ/ tham gia

Chính trị
Tăng quyền (empowerment)
Cộng tác
Hướng tới sự thay đổi

Chủ nghĩa thực dụng

Các hệ quả của hành động
Đặt trọng tâm vào vấn đề
Tiếp cận đa chiều
Hướng tới hành động thực tiễn

Nhắc lại quy trình phân tích chính sách

Mô tả **bối cảnh**, định nghĩa **vấn đề** chính sách, trình bày **câu hỏi** chính sách

Xác định **các mục tiêu** của chính sách

Xây dựng **các lựa chọn** chính sách

Hình thành các **tiêu chí đánh giá**

Đánh giá các lựa chọn chính sách

Đưa ra **khuyến nghị** chính sách

Tiêu chí lựa chọn cách tiếp cận

- Phù hợp giữa vấn đề và cách tiếp cận
- Kinh nghiệm cá nhân
- Đối tượng độc giả
- Tính khả thi
 - Thời gian
 - Năng lực
 - Ngân sách
 - Khả năng tiếp cận thông tin

Tiếp cận đa dạng, chuẩn mực thống nhất

- Dù cách tiếp cận có thể khác nhau, song **chuẩn mực** luôn thống nhất:
 - Thiết kế tốt
 - Thiết lập các lựa chọn chính sách cần trọng
 - Các phương án chính sách thay thế
 - Đánh giá các lựa chọn chính sách thấu đáo
 - Phân biệt được “chính sách tốt” và “chính sách tồi”
 - Dựa trên những dữ liệu đáng tin cậy
 - Sử dụng dữ liệu một cách đúng đắn

Thiết kế phân tích chính sách

- **Thiết kế phân tích chính sách** là cấu trúc tổng thể nhằm **tích hợp** các thành phần của phân tích, để đảm bảo rằng những **bằng chứng** thu thập được giúp **trả lời câu hỏi chính sách** một cách **rõ ràng nhất**.
- Thiết kế phân tích phụ thuộc vào **loại hình nghiên cứu**:
 - Phân tích mô tả: Như thế nào?
 - Phân tích giải thích: Tại sao?
 - Phân tích đánh giá: Hệ quả?
 - Phân tích nhằm ủng hộ/phản đối một chính sách: Được và mất?
- Với câu hỏi chính sách/các lựa chọn chính sách cần đánh giá này, tôi cần những **bằng chứng** nào để trả lời các câu hỏi một cách thuyết phục nhất?

Thiết kế phân tích chính sách

- Hai lưu ý quan trọng về thiết kế nghiên cứu:
 - TKPTCS **không phải** là kế hoạch nghiên cứu chi tiết
 - TKPTCS **không phải** là phương pháp thu thập bằng chứng
- Một số “đánh đổi” quan trọng khi lựa chọn thiết kế:
 - Các mục tiêu của phân tích chính sách
 - Các loại quan sát được sử dụng
 - Quan sát có tính số liệu (data-set observations)
 - Quan sát có tính quá trình – nhân quả (causal-process observations)
 - Sử dụng các công cụ đa dạng để mô tả tình huống và đánh giá tác động của lựa chọn chính sách

DỮ LIỆU
THỨ CẤP

A

Siêu phân tích/
Tổng hợp
Nghiên cứu

Kinh tế lượng

Phân tích
Tương thuật
Phân tích Ngôn từ
(Discourse Analysis)

Mô phỏng Thực nghiệm

Lập Mô hình Kinh tế

Sự Phát huy Sáng tạo
(Synectics)

Phân tích Chuỗi Thời gian

Phân tích Chi phí-Lợi ích

Phân tích Nghiên cứu
Tình huống

Phân tích
Tranh luận

Phân tích ra
quyết định

Phân tích

Mô phỏng, Trò
chơi Vận hành

Delphi

Động não/Khai
thác Sáng kiến,
của Tập thể

Phân tích dựa trên
Khảo sát/Điều tra

Thí nghiệm
tại
Hiện trường

Đánh giá
thẩm định

Dân tộc học

Nghiên cứu tại
Hiện trường

Gần-như-thí-
nghiệm ở
hiện trường

Repertory Grid

Phương pháp-Q

DỮ LIỆU
SƠ CẤP

C

B

QUAN HỆ NHÂN QUẢ
TỔNG QUÁT HOÁ

QUAN HỆ NHÂN QUẢ
ĐỊA PHƯƠNG HOÁ